

Bản án số: 86/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 15 - 9 - 2025

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Tấn Thanh

Ông Võ Hồng Đăng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngọc Thị Ngoan – Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương– Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 39/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 73TB-TA ngày 08/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1964

Căn cước công dân số 079164023225 do Bộ C cấp ngày 14/7/2024.

Nơi cư trú: Tổ F, ấp P, xã L, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn N, sinh năm 1961

Căn cước công dân số 075061005432 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/7/2022.

Nơi cư trú: Tổ F, ấp P, xã L, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: ấp C, xã L, tỉnh Đồng Nai.

(Ông N có mặt; bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2025 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H trình bày: Bà và ông Võ Văn N xây dựng gia đình với nhau năm 1987, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/10/1987. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N. Nguyên nhân bà H yêu cầu ly hôn là do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn tôn trọng nhau nên không thể tiếp tục chung sống cùng nhau.

Về con chung: Bà H và ông N có 03 con chung là anh Võ Lê D, sinh năm 1988; chị Võ Lê Tuyết N1, sinh năm 1995 và anh Võ Lê H1, sinh năm 2005. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên bà H không yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H khai không có.

Bị đơn ông Võ Văn N trình bày:

Ông và bà Lê Thị Ngọc H xây dựng gia đình với nhau năm 1987, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/10/1987.

Qua yêu cầu ly hôn của bà H thì ông không đồng ý. Vợ chồng ông đã sống riêng với nhau từ năm 2010 đến nay; ông N ở ấp C, xã L, còn bà H và các con sinh sống tại ấp P, xã L. Vợ chồng vẫn trao đổi công việc trong cuộc sống nhưng không trực tiếp chăm sóc nhau. Qua yêu cầu ly hôn của bà H, ông N không đồng ý.

Về con chung: Bà H và ông N có 03 con chung là anh Võ Lê D, sinh năm 1988; chị Võ Lê Tuyết N1, sinh năm 1995 và anh Võ Lê H1, sinh năm 2005. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên bà H không yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Đồng Nai:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Các đương đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, xử cho bà H được ly hôn với ông N. Về con chung: không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc H và ông Võ Văn N xây dựng gia đình với nhau năm 1987, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/10/1987, việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Bà H xin ly hôn với ông N với lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn tôn trọng nhau. Tòa án đã hoà giải cho ông N và bà H đoàn tụ nhưng không thành, bà H vẫn giữ nguyên ý kiến ly hôn với ông N. Tại phiên toà, ông N thừa nhận vợ chồng đã sống riêng từ năm 2010 đến nay, không trực tiếp chăm sóc nhau; có lần ông N có lời nói xúc phạm đến bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy, qua lời khai của bà H và lời trình bày của ông N tại phiên toà thể hiện ông N và bà H thực tế đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay; vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không tôn trọng nhau là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, xử cho bà H được ly hôn với ông Nghĩ L phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Bà H và ông N có 03 con chung là anh Võ Lê D, sinh năm 1988; chị Võ Lê Tuyết N1, sinh năm 1995 và anh Võ Lê H1, sinh năm 2005. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân. Bà H và ông N không yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà H là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Đồng Nai về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 5, 6 Luật hôn nhân gia đình năm 1986.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn” của bà Lê Thị Ngọc H đối với ông Võ Văn N.

Xử cho bà Lê Thị Ngọc H được ly hôn với ông Võ Văn N

Về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị Ngọc H.

3. Ông N được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2- Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Lâm